TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/DS-PT
Ngày: 04 - 5 - 2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Đảo.

Các Thẩm phán: Ông Lê Lâm Sơn.

Bà Trần Thị Chọn.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trương Vũ Tường Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang***: Ông Trương Thanh Triều - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 11 tháng 4, ngày 24 tháng 4 và tuyên án ngày 04 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 229/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 105/2023/QĐ-PT ngày 04 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A;

Địa chỉ trụ sở chính: phường B, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T1 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Lê Trung P1 – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP A chi nhánh quận M (Theo Quyết định ủy quyền số 291/QĐ-DAB-PC ngày 23/3/2019); Có mặt, vắng mặt khi tuyên án.

Địa chỉ liên hệ: phường M, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn V1, sinh năm 1979; Vắng mặt.

Địa chỉ: Khu phố V, thị trấn VT, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn V1: Ông Phạm

Đình T2, sinh năm 1959 (Theo văn bản ủy quyền ngày 20/5/2020); Có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: khu đô thị TB, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2.2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1978; Vắng mặt.

2.3. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1985; Vắng mặt.

Địa chỉ: Xã T, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị G: Ông Nguyễn Văn P2, sinh năm 1975 (Theo văn bản ủy quyền ngày 23/02/2022); Có mặt.

Địa chỉ: Xã T, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phan Văn T3, sinh năm 1991; Vắng mặt.

3.2. Bà Nguyễn Thị Kim V2, sinh năm 1977; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xã T, huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

3.3. Bà Dương Mỹ Y, sinh năm 1981; Vắng mặt.

Địa chỉ liên hệ: phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D, chị Nguyễn Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP A do người đại diện theo uỷ quyền là ông Lê Trung P1 trình bày:***

- Phần của ông Nguyễn Văn V1: Ông V1 có ký hợp đồng thấu chi số 128/TC-01/2012 ngày 10/5/2012, tổng mức thấu chi là 900.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp hạn mức; lãi suất trong hạn 1,7% /tháng, lãi suất quá hạn 1,5 lần lãi suất trong hạn. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 10/5/2012 cho đến khi chủ thẻ hoàn thành tất cả nghĩa vụ với Ngân hàng Đông Á. Tính đến ngày 06/4/2022 Ông V1 còn nợ Ngân hàng: gốc 898.354.248 đồng, lãi trong hạn 66.773.470 đồng, lãi quá hạn 2.483.994.413 đồng. Tổng cộng 3.449.122.131 đồng. Đây là hồ sơ vay tín chấp, do đó Ngân hàng đề nghị Ông V1 thanh toán đầy đủ số nợ hiện tại và lãi phát sinh.

- Phần của ông Nguyễn Văn D: Ông D có ký hợp đồng thấu chi số 122/TC-01/2012 ngày 26/4/2012, tổng mức thấu chi là 900.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp hạn mức; lãi suất trong hạn 1,7% /tháng, lãi suất quá hạn 1,5 lần lãi suất trong hạn. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 26/4/2012 cho đến khi chủ thẻ hoàn thành tất cả nghĩa vụ với Ngân hàng Đông Á. Tính đến ngày 06/4/2022 Ông D còn nợ Ngân hàng: gốc 900.000.000 đồng, lãi trong hạn 72.149.683 đồng, lãi quá hạn 2.499.255.000 đồng. Tổng cộng 3.471.404.683

đồng. Đây là hồ sơ vay tín chấp, do đó Ngân hàng đề nghị Ông D thanh toán đầy đủ số nợ hiện tại và lãi phát sinh.

- Phần của bà Nguyễn Thị G: Bà G có ký hợp đồng thấu chi số 163/TC-01/2012 ngày 27/6/2012, tổng hạn mức thấu chi là 900.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp hạn mức; lãi suất trong hạn 1,55% /tháng, lãi suất quá hạn 1,5 lần lãi suất trong hạn. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 27/6/2012 cho đến khi chủ thẻ hoàn thành tất cả nghĩa vụ với Ngân hàng Đông Á. Tính đến ngày 06/4/2022 Bà G còn nợ Ngân hàng: gốc 895.759.884 đồng, lãi trong hạn 49.784.204 đồng, lãi quá hạn 2.224.955.582 đồng. Tổng cộng 3.170.499.670 đồng. Đây là hồ sơ vay tín chấp, do đó Ngân hàng đề nghị Bà G thanh toán đầy đủ số nợ hiện tại và lãi phát sinh.

Tại phiên toà sơ thẩm, ông Lê Trung P1 vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

+ Buộc ông Nguyễn Văn V1 phải trả gốc, lãi: Tính đến ngày 29/9/2022 là 3.583.515.928 đồng, trong đó: gốc 898.354.248 đồng, lãi trong hạn 66.773.471 đồng, lãi quá hạn 2.618.388.209 đồng;

+ Buộc ông Nguyễn Văn D phải trả gốc, lãi: Tính đến ngày 29/9/2022 là 3.606.044.683 đồng, trong đó: gốc 900.000.000 đồng, lãi trong hạn 72.149.683 đồng, lãi quá hạn 2.633.895.000 đồng;

+ Buộc bà Nguyễn Thị G phải trả gốc, lãi: Tính đến ngày 29/9/2022 là 3.292.681.318 đồng, trong đó: gốc 895.759.884 đồng, lãi trong hạn 49.784.204 đồng, lãi quá hạn 2.347.137.230 đồng.

Đồng thời yêu cầu ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G phải tiếp tục trả lãi theo hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ đã ký kết đến khi thanh toán hết khoản nợ vay.

Không yêu cầu vợ, chồng của các bị đơn chịu trách nhiệm trả nợ cùng.

Lý do đến tháng 7 năm 2018 Ngân hàng mới làm đơn khởi kiện các bị đơn là vì trong khoảng thời gian năm 2014 Ngân hàng Nhà nước thanh tra đến tháng 7 năm 2015 thì có kết quả thanh tra. Đến 13/8/2015 Ngân hàng TMCP A kiểm soát đặc biệt và sau đó các lãnh đạo của Ngân hàng bị khởi tố, điều tra, truy tố, giai đoạn này chưa có người thay thế và cho đến năm 2018 thì mới xét xử sơ thẩm và năm 2019 thì xét xử phúc thẩm.

**** Tài liệu có tại hồ sơ bị đơn ông Nguyễn Văn V1 do người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Phạm Đình T2 trình bày:***

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn V1, ông Thi xác định và thừa nhận ông Nguyễn Văn V1 có ký hợp đồng thấu chi với Ngân hàng TMCP A để vay tiền, cụ thể: có ký hợp đồng thấu chi số 128/TC-01/2012 ngày 10/5/2012, tổng mức thấu chi là 900.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp hạn mức; lãi suất trong hạn 1,7% /tháng, lãi suất quá hạn 1,5 lần lãi suất trong hạn. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 10/5/2012 cho đến khi chủ thẻ hoàn thành tất cả nghĩa vụ với Ngân hàng Đông Á.

Hồ sơ vay của Ông V1 là thế chấp, không phải tín chấp. Vì căn cứ vào đơn xin vay của Ông V1. Đồng thời, hồ sơ vay của Ông V1 không đúng mẫu so với tại thời điểm vay, thời điểm Ông V1 vay chỉ có thế chấp, ngoài ra không có vay hình thức nào khác.

Đồng thời, yêu cầu Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh nơi đặt trụ sở của Ngân hàng Đông Á xem xét lại quy trình cho vay của Ngân hàng Đông Á đối với Ông V1.

Do đó hợp đồng vay hình thức là thế chấp nên vô hiệu theo quy định của luật tổ chức tín dụng, xác định Ông V1 chỉ còn nợ số tiền gốc, không đồng ý trả lãi.

**** Bị đơn ông Nguyễn Văn D, bà Nguyễn Thị G do người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn P2 trình bày:***

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G, ông Phú xác định và thừa nhận ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G có ký hợp đồng thấu chi với Ngân hàng TMCP A để vay tiền, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Văn D: ký hợp đồng thấu chi số 122/TC-01/2012 ngày 26/4/2012, tổng mức thấu chi là 900.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp hạn mức; lãi suất trong hạn 1,7% /tháng, lãi suất quá hạn 1,5 lần lãi suất trong hạn. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 26/4/2012 cho đến khi chủ thẻ hoàn thành tất cả nghĩa vụ với Ngân hàng Đông Á;

- Bà Nguyễn Thị G: ký hợp đồng thấu chi số 163/TC-01/2012 ngày 27/6/2012, tổng hạn mức thấu chi là 900.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp hạn mức; lãi suất trong hạn 1,55% /tháng, lãi suất quá hạn 1,5 lần lãi suất trong hạn. Thời hạn của hợp đồng là từ ngày 27/6/2012 cho đến khi chủ thẻ hoàn thành tất cả nghĩa vụ với Ngân hàng Đông Á.

Hồ sơ vay của Ông D và Bà G là thế chấp, không phải tín chấp. Vì căn cứ vào đơn xin vay của Ông D và Bà G. Đồng thời, hồ sơ vay của Ông D và Bà G không đúng mẫu so với tại thời điểm vay, thời điểm Ông D, Bà G vay chỉ có thế chấp, ngoài ra không có vay hình thức nào khác.

Đồng thời, yêu cầu Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh nơi đặt trụ sở của Ngân hàng Đông Á xem xét lại quy trình cho vay của Ngân hàng Đông Á đối với Ông D, Bà G.

Do đó hợp đồng vay hình thức là thế chấp nên vô hiệu theo quy định của luật tổ chức tín dụng, xác định xác định Ông D, Bà G chỉ còn nợ số tiền gốc, không đồng ý trả lãi.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang quyết định:***

Xác định thời hiệu tranh chấp hợp đồng dân sự giữa Ngân hàng TMCP A với anh Nguyễn Văn V1, chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Văn D đã hết.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A: Buộc anh Nguyễn Văn V1 trả số nợ vốn còn lại là 898.354.248 đồng; buộc chị Nguyễn Thị G trả số nợ vốn còn lại là 895.759.884 đồng; buộc anh Nguyễn Văn D trả số nợ vốn còn lại 900.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP A đối với ông Nguyễn Văn V1 số tiền lãi là 1.893.307.304 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP A đối với bà Nguyễn Thị G số tiền lãi là 1.677.021.592 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP A đối với ông Nguyễn Văn D số tiền lãi là 1.912.739.683 đồng.

**** Tại bản án dân sự phúc thẩm số: 98/2022/DS-PT ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định***:

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 44/2019/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

**** Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang quyết định***:

Buộc ông Nguyễn Văn V1 phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 3.583.515.928đ, trong đó: gốc 898.354.248 đồng, lãi trong hạn 66.773.471 đồng, lãi quá hạn 2.618.388.209 đồng tính đến ngày 29/9/2022.

Buộc ông Nguyễn Văn D phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 3.606.044.683đ, trong đó: gốc 900.000.000 đồng, lãi trong hạn 72.149.683 đồng, lãi quá hạn 2.633.895.000 đồng tính đến ngày 29/9/2022.

Buộc chị Nguyễn Thị G phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 3.292.681.318đ, trong đó: gốc 895.759.884 đồng, lãi trong hạn 49.784.204 đồng, lãi quá hạn 2.347.137.230 đồng tính đến ngày 29/9/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định.

**** Ngày 12/10/2022, bị đơn ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G kháng cáo với nội dung***: Yêu cầu sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang theo hướng chỉ buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G trả số tiền nợ vốn gốc và không đồng ý trả số tiền lãi.

**** Tại phiên tòa phúc thẩm***:

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G chỉ đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ vay vốn gốc. Cụ thể:

Ông Nguyễn Văn D đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền 900.000.000 đồng và yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP A.

Bà Nguyễn Thị G phải trả cho Ngân hàng TMCP A 895.759.884 đồng và yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP A.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn V1 có đơn xin vắng mặt, nên không có ý kiến trình bày.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G.

- Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, tranh luận của đương sự và ý kiến phát biểu của vị đại viện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "*Tranh chấp về hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ*" là có sự nhầm lẫn trong việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp với nội dung tranh chấp theo yêu cầu của đương sự. Hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ là hình thức của giao dịch trong hoạt động tín dụng. Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với các bị đơn ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*". Sai sót của cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chỉ buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G trả số tiền nợ vốn gốc và không đồng ý trả số tiền lãi.

[3.1] Về nội dung vụ án:

Theo các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và trình bày của các bên đương sự có đủ cơ sở xác định thực tế ông Nguyễn Văn V1 còn nợ Ngân hàng TMCP A vốn góc là 898.354.248 đồng; ông Nguyễn Văn D còn nợ Ngân hàng TMCP A

vốn gốc 900.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị G còn nợ Ngân hàng TMCP A vốn gốc 895.759.884 đồng.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu: Ông Nguyễn Văn V1 phải trả gốc, lãi tính đến ngày 29/9/2022 là 3.583.515.928 đồng (Trong đó vốn gốc 898.354.248 đồng, lãi trong hạn 66.773.471 đồng, lãi quá hạn 2.618.388.209 đồng); ông Nguyễn Văn D phải trả gốc, lãi tính đến ngày 29/9/2022 là 3.606.044.683 đồng (Trong đó vốn gốc 900.000.000 đồng, lãi trong hạn 72.149.683 đồng, lãi quá hạn 2.633.895.000 đồng); bà Nguyễn Thị G phải trả gốc, lãi tính đến ngày 29/9/2022 là 3.292.681.318 đồng (Trong đó vốn gốc 895.759.884 đồng, lãi trong hạn 49.784.204 đồng, lãi quá hạn 2.347.137.230 đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ đã ký kết cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G yêu cầu áp dụng thời hiệu, chỉ đồng ý trả tiền gốc, không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của Ngân hàng TMCP A.

[3.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A:

Yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền vốn gốc 898.354.248 đồng, tiền lãi tnh đến ngày 29/9/2022 là 66.773.471 đồng tiền lãi trong hạn và 2.618.388.209 đồng tiền lãi quá hạn, tổng cộng là 3.583.515.928 đồng.

Yêu cầu ông Nguyễn Văn D trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền vốn gốc vốn gốc 900.000.000 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/9/2022 là 72.149.683 đồng tiền lãi trong hạn và 2.633.895.000 đồng tiền lãi quá hạn, tổng cộng là 3.606.044.683 đồng.

Yêu cầu bà Nguyễn Thị G trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền vốn gốc vốn gốc 895.759.884 đồng, tiền lãi tính đến ngày 29/9/2022 là 49.784.204 đồng tiền lãi trong hạn và 2.347.137.230 đồng tiền lãi quá hạn, tổng cộng là 3.292.681.318 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng của ông Nguyễn Văn V1 ngày đến hạn của hợp đồng là ngày 10/5/2013; hợp đồng của ông Nguyễn Văn D ngày đến hạn là ngày 26/4/2013; hợp đồng của bà Nguyễn Thị G ngày đến hạn là ngày 27/6/2013. Đến tháng 7/2018, Ngân hàng TMCP A khởi kiện các bị đơn thì thời hiệu khởi kiện đã hết. Bị đơn ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G có đưa ra yêu cầu áp dụng về thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc theo quy định tại Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Cấp sơ thẩm nhận định, thời điểm năm 2014 Ngân hàng TMCP A bị Ngân hàng Nhà nước thanh tra đến tháng 7/2015 thì có kết quả thanh tra. Đến 13/8/2015 Ngân hàng TMCP A bị kiểm soát đặc biệt và sau đó các lãnh đạo của Ngân hàng đã bị khởi tố, điều tra, truy tố và bị xét xử sơ thẩm năm 2018, đây được xem là lý do khách quan mà Ngân hàng TMCP A không thể khởi kiện các

bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc các bị đơn ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền vốn gốc và lãi suất là không phù hợp quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G.

Đối chiếu quy định tại khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thống nhất, cần áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 149 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đình chỉ yêu cầu về số tiền lãi và căn cứ Điều 166 (*Quy định về đòi tài sản*) và Điều 280 (*Quy định về nghĩa vụ trả tiền*) của Bộ luật dân sự buộc các bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng với hình thức thấu chi thẻ tín dụng là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Từ những căn cứ nhận định nêu trên, trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất, không chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên; chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G, sửa Bản dân sự sơ thẩm số: 52/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cụ thể: 898.354.248 đồng = [36.000.000 + (3% x 98.354.248 đồng = 2.950.627 đồng) = 38.950.627 đồng] làm tròn thành 38.951.000 đồng.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cụ thể: 900.000.000 đồng = 36.000.000 + (3% x 100.000.000 đồng = 3.000.000 đồng) = 39.000.000 đồng.

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cụ thể: 895.759.884 đồng = [36.000.000 + (3% x 95.759.884 đồng = 2.872.796 đồng) = 38. 872.796 đồng] làm tròn thành 38. 873.000 đồng.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 40.205.000 đồng theo biên lai số 0002135 ngày 29/8/2018; 40.325.000 đồng theo biên lai số 0002133 ngày 29/8/2018; 38.277.000 đồng theo biên lai số 0002134 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn trả cho bị đơn ông Nguyễn Văn V1 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0003942 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

- Hoàn trả cho bị đơn ông Nguyễn Văn D 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm biên lai thu số 0003941 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

- Hoàn trả cho bị đơn bà Nguyễn Thị G 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0003943 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 52/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng các 429, Điều 166, Điều 280 và khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 471, Điều 474 và Điều 478 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" đối với bị đơn ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G.

1.1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V1 trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A số tiền vốn gốc 898.354.248 đồng.

1.2. Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A số tiền vốn gốc 900.000.000 đồng.

1.3. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị G trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP A số tiền vốn gốc 895.759.884 đồng.

1.4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với bị đơn ông Nguyễn Văn V1, ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị G về việc nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu tính lãi suất:

2.1. Yêu cầu ông Nguyễn Văn V1 trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền lãi tính đến ngày 29/9/2022 với số tiền lãi trong hạn 66.773.471 đồng, tiền lãi quá hạn 2.618.388.209 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ đã ký kết cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

2.2. Yêu cầu ông Nguyễn Văn D trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền lãi tính đến ngày 29/9/2022 với số tiền lãi trong hạn 72.149.683 đồng, tiền lãi quá hạn 2.633.895.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ đã ký kết cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

2.3. Yêu cầu bà Nguyễn Thị G trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền lãi tính đến ngày 29/9/2022 với số tiền lãi trong hạn 49.784.204 đồng, tiền lãi quá hạn 2.347.137.230 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng dịch vụ thấu chi tài khoản thẻ đã ký kết cho đến khi thanh toán hết khoản nợ.

3. Về án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 38.950.627 đồng.

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 39.000.000 đồng.

- Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 38.872.796 đồng.

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp: 40.205.000 đồng theo biên lai số 0002135 ngày 29/8/2018; 40.325.000 đồng theo biên lai số 0002133 ngày 29/8/2018; 38.277.000 đồng theo biên lai số 0002134 ngày 29/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

- Hoàn trả cho bị đơn ông Nguyễn Văn V1 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0003942 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

- Hoàn trả cho bị đơn ông Nguyễn Văn D 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm biên lai thu số 0003941 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

- Hoàn trả cho bị đơn bà Nguyễn Thị G 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0003943 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- TAND huyện VT;
- Chi cục THADS huyện VT;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Bình Đảo